

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1876/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2023,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 với số vốn 5.051 tỷ 774 triệu đồng cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

(Có các biểu kế hoạch điều chỉnh vốn chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1. Giao các chủ đầu tư: Tập trung các giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình, hàng hóa, dịch vụ; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ của các công trình, dự án có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc nhà nước. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán đảm bảo theo quy định.

2. Các sở chuyên ngành: Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về lập, thiết kế - dự toán xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Giao các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán đã giao; căn cứ tiến độ thu ngân sách, Sở Tài chính kịp thời nhập Tabmis toàn bộ kế hoạch vốn đã giao để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn.

4. Đối với vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp) và báo cáo kết quả giao vốn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Việc phân bổ vốn năm 2023 phải đảm bảo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

- + Danh mục dự án bố trí vốn năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- + Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).

- + Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2023 theo tiến độ, đồng thời bảo đảm thời hạn bố trí vốn của từng dự án theo đúng quy định, dự án nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 03 năm.

+ Bố trí đủ vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư, đảm bảo bố trí vốn tập trung, trọng tâm, không dàn trải.

- Việc triển khai giao kế hoạch điều chỉnh vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương cho các xã nông thôn mới về đích năm 2023.

- Đối với tiền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố:

+ Tiếp tục sử dụng tiền sử dụng đất khối huyện đầu tư ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, phần còn lại bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác thuộc đối tượng quy định của Luật Đầu tư công.

+ Khẩn trương giao vốn chi tiết cho các dự án đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Phấn đấu giải ngân hết số vốn được giao năm 2023; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được giao năm 2023.

- Bố trí vốn đầu tư công phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan có liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định pháp luật.

5. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Thực hiện rà soát, báo cáo phân bổ kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý. Trường hợp phát hiện phân bổ không đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch vốn đầu tư công đã được giao, không đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật đầu tư công, có ý kiến bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh họp giao ban xây dựng cơ bản định kỳ hàng tháng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cắt giảm vốn đối với các dự án triển khai chậm, bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2023, đảm bảo giải ngân tối thiểu đạt 95% trở lên so với kế hoạch được giao.

6. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia:



- Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc và Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh triển khai thực hiện các dự án thành phần của từng chương trình theo quy định.

- Căn cứ số vốn được giao của 3 chương trình, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương phê duyệt dự án và giao chi tiết vốn cho từng dự án đầu tư đến từng chủ đầu tư (các đơn vị có chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tùy theo năng lực của từng chủ đầu tư theo quy định). Đối với dự án đầu tư có cùng mục tiêu và thực hiện trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động lồng ghép các nguồn vốn của 03 chương trình đã được giao ngay từ khâu chuẩn bị thực hiện dự án tránh dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, lãng phí trong sử dụng vốn.

- Kế hoạch vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nguồn ngân sách trung ương năm 2022 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2023.

7. Giao Kho bạc Nhà nước Bình Phước chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục vận hành hệ thống báo cáo giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đã giao đảm bảo chính xác, kịp thời.

8. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư cần xác định giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án kết nối, dự án có tác động liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến hết niên độ ngân sách năm 2023, chủ đầu tư không giải ngân tối thiểu đạt 95% kế hoạch được giao là một trong các tiêu chí để xem xét, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức liên quan theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, hằng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đồng gửi các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

9. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức phát động phong trào thi đua đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao.

10. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được phép giải ngân đến hết ngày 31/01/2024.

11. Quyết định này thay thế các Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc giao chi tiết kế

hoạch vốn Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. 52Binh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023				Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
	TỔNG SỐ	6.019.631	6.019.631	-	5.051.774	5.051.774	-			
	Trong đó:									
1	Vốn ngân sách địa phương	5.021.510	5.021.510	-	4.053.653	4.053.653	-		Chi tiết biểu 1	
	Trong đó:									
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	502.210	502.210		502.210	502.210				
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.514.900	3.514.900		2.462.043	2.462.043				
2.1	Khởi tính	1.981.200	1.981.200		928.343	928.343				
2.2	Khởi huyện	1.533.700	1.533.700		1.533.700	1.533.700				
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	980.000	980.000		1.065.000	1.065.000				
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	24.400	24.400		24.400	24.400				
II	Vốn ngân sách trung ương	998.121	998.121		998.121	998.121				
1	Vốn trong nước	998.121	998.121	-	998.121	998.121			Chi tiết biểu 2	
	Trong đó:									
1.1.	Các Chương trình mục tiêu	470.000	470.000		470.000	470.000				
1.2.	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	354.121	354.121		354.121	354.121				
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	201.962		201.962	201.962				
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.079	3.079		3.079	3.079				
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	149.080	149.080		149.080	149.080				
1.3.	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	174.000		174.000	174.000				

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 51 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023						Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Chi XDCB tập trung	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương				
						Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương										
	Tổng số		14.116.224	5.021.510	502.210	3.514.900	980.000	24.400	4.053.653	502.210	2.462.043	1.065.000	24.400					
A	Vốn phần cấp huyện, thị xã, thành phố		1.809.700	276.000	1.533.700	-	-	1.809.700	276.000	1.533.700	-	-						
1	Thành phố Đồng Xoài		304.320	26.000	278.320			304.320	26.000	278.320								
2	Thị xã Bình Long		162.160	23.000	139.160			162.160	23.000	139.160								
3	Thị xã Phước Long		33.760	22.000	11.760			33.760	22.000	11.760								
4	Huyện Đồng Phú		162.220	26.000	136.220			162.220	26.000	136.220								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			40.866		40.866			40.866		40.866							
5	Huyện Bù Đăng		138.760	29.000	109.760			138.760	29.000	109.760								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			32.928		32.928			32.928		32.928							
6	Huyện Bù Gia Mập		115.160	25.000	90.160			115.160	25.000	90.160								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			27.048		27.048			27.048		27.048							
7	Thị xã Chơn Thành		397.400	25.000	372.400			397.400	25.000	372.400								
8	Huyện Hớn Quản		164.160	25.000	139.160			164.160	25.000	139.160								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			41.748		41.748			41.748		41.748							
9	Huyện Lộc Ninh		94.640	28.000	66.640			94.640	28.000	66.640								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			19.992		19.992			19.992		19.992							
10	Huyện Bù Đốp		83.760	23.000	60.760			83.760	23.000	60.760								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			18.228		18.228			18.228		18.228							
11	Huyện Phú Riềng		153.360	24.000	129.360			153.360	24.000	129.360								
	Trong đó:																	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới thiểu 30%			38.808		38.808			38.808		38.808							
B	Trà nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	16.360		16.360			16.360			16.360						
C	Vốn thực hiện dự án		13.620.667	2.933.050	171.610	1.981.200	755.840	24.400	1.956.825	226.210	928.343	777.872	24.400					
CI	Dự án chuyển tiếp		12.136.667	2.355.120	141.030	1.563.690	626.000	24.400	1.859.595	199.630	907.693	727.872	24.400					
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		10.185.167	1.565.880	80.530	1.460.950	-	24.400	1.009.405	142.130	809.253	33.622	24.400					

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Đầu tư từ nguồn bởi chỉ ngân sách địa phương	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	190.460	10.530	179.930	50.685	50.685					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	20.000		20.000				20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	24.400			24.400					24.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	35.000		35.000					35.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Đường Đồng Triên - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	35.000		35.000					15.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	75.700		75.700					45.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	44.000		44.000					34.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	25.000		25.000					45.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nham, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nham)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	10.000		10.000					10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	20.000		20.000					20.000		UBND huyện Đồng Phú
11	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	20.000		20.000					20.000		UBND huyện Đồng Phú
12	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	20.000		20.000					20.000		UBND huyện Đồng Phú
13	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	20.000		20.000					20.000		UBND huyện Hớn Quản
14	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	10.000		10.000					1.000		UBND huyện Hớn Quản
15	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	10.000		10.000					4.000		UBND huyện Hớn Quản

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023						Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:						
					Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chủ ngân sách địa phương		Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chủ ngân sách địa phương			
16	Xây dựng đường Tân Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	50.000	50.000				50.000	50.000					UBND TP Đồng Xoài	
17	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	25.000					-						UBND thị xã Chơn Thành	
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL. 14 đi xã Đăk Nheu	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	12.000					12.000						UBND huyện Bù Đăng	
19	Xây dựng đường liên xã Đông Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	5.000					5.000	5.000					UBND huyện Bù Đăng	
20	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi DT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	21.000					15.000	15.000					UBND huyện Bù Đăng	
21	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đông Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	21.000					15.000	15.000					UBND huyện Bù Đăng	
22	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	15.000					15.000	15.000					UBND huyện Bù Gia Mập	
23	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	5.000					-	-					UBND huyện Phú Riềng	
24	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đông Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	210.000					-	-					Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng QL14	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	20.000					3.000	3.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	30.000					26.000	26.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ đèo Cui Chè qua THCS huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	32.000					32.000	32.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
28	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	35.000					55.000	16.445	27.933	10.622			UBND thị xã Chơn Thành	
29	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	25.000					-	-					UBND thị xã Chơn Thành	
30	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thăng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	31.820					31.820	31.820					UBND thị xã Chơn Thành	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết
31	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	10.000	10.000		10.000		10.000			10.000	UBND huyện Bù Gia Mập
32	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đak O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	40.000	40.000		40.000		40.000			40.000	UBND huyện Bù Gia Mập
33	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL.14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	10.000	10.000		10.000		10.000			3.000	UBND huyện Bù Gia Mập
34	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	15.000	15.000		15.000		15.000			15.000	UBND huyện Bù Đốp
35	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	20.000	20.000		20.000		20.000			20.000	UBND huyện Bù Đốp
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	15.000	15.000		15.000		15.000			15.000	UBND huyện Bù Đốp
37	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	15.000	15.000		15.000		15.000			5.000	UBND huyện Bù Đốp
38	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	15.000	15.000		15.000		15.000			15.000	UBND TX Phước Long
39	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Đình và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	20.000	20.000		20.000		20.000			20.000	UBND TX Phước Long
40	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	16.500	16.500		16.500		16.500			16.500	UBND TX Phước Long
41	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	15.000	15.000		15.000		15.000			15.000	UBND TX Phước Long
42	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	8.000	8.000		8.000		8.000			8.000	UBND TX Phước Long
43	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	30.000	30.000		30.000		30.000			15.000	UBND TX Bình Long
44	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	12.000	12.000		12.000		12.000			12.000	UBND huyện Lộc Ninh
45	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	13.000	13.000		13.000		13.000			13.000	UBND huyện Lộc Ninh
46	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	21.000	21.000		21.000		21.000			21.000	UBND huyện Lộc Ninh
47	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	40.000	40.000		40.000		40.000			-	UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	TMĐT	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023						Chủ đầu tư				
					Trong đó:			Trong đó:							
					Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Dầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Tổng số tập trung	Chi XD/CB tập trung		Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Dầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	
48	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	13.000	13.000	-	-	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	UBND TP Đồng Xoài
49	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 3.12 với đường DT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	25.000	25.000	-	-	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	UBND huyện Phú Riêng
50	Xây dựng đường liên huyện Phú Riêng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	20.000	20.000	-	-	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	UBND huyện Phú Riêng
51	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riêng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	25.000	25.000	-	-	25.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	UBND huyện Phú Riêng
52	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riêng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	50.000	50.000	-	-	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	UBND huyện Phú Riêng
53	Xây dựng cầu tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hơn Quán	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	20.000	20.000	-	-	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	UBND huyện Hơn Quán
II	Hà tầng khu công nghiệp, KKT		460.000	123.740	92.740	-	-	138.440	36.000	88.440	14.000	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	31.000	31.000	-	-	31.000	31.000	31.000	31.000	31.000	31.000	31.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
2	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
3	Xây dựng mương, công thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	9.000	9.000	-	-	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	14.000	14.000	-	-	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikeco mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	13.000	13.000	-	-	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	13.000	13.000	-	-	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
7	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chom Thanh II	1195/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	60.000	28.740	28.740	-	-	28.740	28.740	28.740	28.740	28.740	28.740	28.740	Ban QLDA DTXD tỉnh
8	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoan Suối Dinh - Khu CN Đông Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	50.000	10.000	10.000	-	-	22.700	22.700	22.700	22.700	22.700	22.700	22.700	Ban QLDA DTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	8.000	8.000	-	-	8.000	-	-	8.000	-	-	-	-
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	8.000	8.000	-	-	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Chi cục Kiểm Lâm
IV	Giáo dục và Đào tạo		841.500	390.000	-	390.000	-	485.250	-	-	485.250	-	-	-	-

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	3.000			3.000	250				250	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng khởi phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	4.000			4.000	-				-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	25.000			25.000	25.000				25.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	6.000			6.000	6.000				6.000	UBND huyện Bù Đăng	
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	5.000			5.000	5.000				5.000	UBND huyện Bù Đăng	
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	20.000			20.000	20.000				20.000	UBND huyện Bù Đăng	
7	Dự án kiến cơ hòa phòng học tam, phòng học bán kiên có cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	100.000			100.000	48.000				48.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Hỗ trợ các huyện xây dựng 420 phòng học			140.000			140.000	294.000				294.000		
8.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 110 phòng học			35.000			35.000	77.000				77.000		
8.2	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 64 phòng học			21.000			21.000	44.800				44.800		
8.3	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 60 phòng học							42.000				42.000		
8.4	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 50 phòng học			21.000			21.000	35.000				35.000		
8.5	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 26 phòng học			7.000			7.000	18.200				18.200		
8.6	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 10 phòng học							7.000				7.000		
8.7	Hỗ trợ thị xã Chơn Thành 40 phòng học			28.000			28.000	28.000				28.000		
8.8	Hỗ trợ thị xã Bình Long 20 phòng học			14.000			14.000	14.000				14.000		
8.9	Hỗ trợ thị xã Phước Long 40 phòng học			7.000			7.000	28.000				28.000		
9	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	8.000			8.000	8.000				8.000	UBND huyện Đồng Phú	
10	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sittco)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	10.000			10.000	10.000				10.000	UBND huyện Hớn Quản	
11	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	5.000			5.000	5.000				5.000	UBND huyện Bù Đăng	
12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	9.000			9.000	9.000				9.000	UBND huyện Lộc Ninh	
13	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	10.000			10.000	10.000				10.000	UBND huyện Bù Đốp	



STT	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư	
					Trong đó:					Trong đó:						
					Chi XD/CB tập trung	Trên sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chỉ ngân sách địa phương	Tổng số	Chi XD/CB tập trung	Trên sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chỉ ngân sách địa phương			
14	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	10.000					10.000							UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	35.000					35.000							UBND TX Bình Long
V	Y tế		250.000	99.000					50.000							
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	24.500					24.500							Ban QLDA DTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	24.500					24.500							Ban QLDA DTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	50.000					50.000							Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		250.000	106.500					106.500							
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	50.000					50.000							Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	46.500					46.500							Ban QLDA DTXD tỉnh
3	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	40.000	10.000					10.000							UBND huyện Bù Gia Mập
VIII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		60.000	24.000					24.000							
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	24.000					24.000							Sở Thông tin và Truyền thông
VIII	Quốc phòng - An ninh		70.000	38.000					16.500							
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	16.500					16.500							Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Cờng An tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	21.500					21.500							Công an tỉnh
C2	Dự án khởi công mới		1.484.000	577.930					97.230							
1	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		938.000	421.580					31.580							
1	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hòa Lư	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	150.000	134.000					-							Ban QLDA DTXD tỉnh
2	Nâng cấp mở rộng DT 753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	2106/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	220.000	195.000					-							Ban QLDA DTXD tỉnh
3	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	20.000					1.000							UBND thị xã Chơn Thành
4	Nâng cấp mở rộng đường Đường Phú Riêng Đò từ TTTC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đông Phú, huyện Đông Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	12.000					2.000							UBND huyện Đông Phú

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
					Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương
5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	10.000		10.000								UBND huyện Lộc Ninh
6	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	10.000		10.000				1.000				UBND huyện Bù Gia Mập
7	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	5.000		5.000				1.000				UBND huyện Bù Đăng
8	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	10.000		10.000				1.000				UBND huyện Hớn Quản
9	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	25.580		25.580				25.580				UBND TX Bình Long
II	Giáo dục và Đào tạo		20.000	10.000		10.000				10.000			5.000	
1	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	10.000		10.000				10.000			5.000	UBND huyện Bù Đăng
III	Văn hóa xã hội		80.000	56.350		56.350				29.840			15.650	
1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	56.350		56.350				29.840			15.650	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		446.000	90.000		90.000				90.000			45.000	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	90.000		90.000				90.000			45.000	Sở Thông tin và Truyền thông
D	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đối ứng NSTW)			200.000		200.000				200.000			200.000	Phụ lục 1.1
E	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)			30.000		30.000							17.000	Phụ lục 1.2
F	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đối ứng NSTW)			20.000		20.000							20.000	Phụ lục 1.3
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			4.900		4.600				4.600			4.900	Phụ lục 1.4
H	Tất toán công trình đã quyết toán			7.800		7.800				7.800			28.868	Phụ lục 1.5

Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023			Chủ đầu tư
		Tổng số	Vốn TW	Vốn NS tỉnh	Tổng số	Vốn TW	Vốn NS tỉnh	
	Chương trình MTQG nông thôn mới	349.080	149.080	200.000	349.080	149.080	200.000	
1	Thanh toán hợp đồng mua xi măng tập trung 2022	13.303		13.303	57.403		57.403	Văn phòng Điều phối xây dựng NTM
2	Mua xi măng tập trung 2023	93.697		93.697	49.597		49.597	Văn phòng Điều phối xây dựng NTM
3	Hỗ trợ xã về đích (đạt chuẩn và nâng cao)	179.842	86.842	93.000	179.842	86.842	93.000	
3.1	Thị xã Chơn Thành	6.000		6.000	6.000		6.000	
	Xã Minh Lập (nâng cao)	6.000		6.000	6.000		6.000	
3.2	Huyện Đồng Phú	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Đồng Tiến (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.3	Huyện Hớn Quản	27.406	12.406	15.000	27.406	12.406	15.000	
	Xã Thanh An (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Tân Hiệp (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.4	Huyện Bù Đăng	45.812	24.812	21.000	45.812	24.812	21.000	
	Xã Đak Nhau (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Phước Sơn (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Bom Bo (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.5	Huyện Bù Đốp	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Thiện Hưng (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.6	Huyện Phú Riềng	45.812	24.812	21.000	45.812	24.812	21.000	
	Xã Phú Trung (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Phước Tân (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Bình Sơn (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.7	Huyện Lộc Ninh	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Lộc Phú (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
3.8	Huyện Bù Gia Mập	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Đak Ô (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
4	Huyện phấn đấu đạt chuẩn	46.238	46.238		46.238	46.238		
4.1	Huyện Lộc Ninh	31.238	31.238		31.238	31.238		
4.2	Huyện Phú Riềng	15.000	15.000		15.000	15.000		
5	Thực hiện 6 chương trình chuyên đề phục vụ NTM	12.000	12.000		1.940	1.940	-	
5.1	Chuyên đề OCOP	-	-	-	1.940	1.940	-	
a	Huyện Bù Đăng	-	-	-	1.940	1.940	-	
a1	Xã Đak Nhau	-	-	-	1.940	1.940	-	
	Hỗ trợ phát triển OCOP xanh (Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPDP ngày 14/4/2023)	-	-	-	1.940	1.940	-	
6	7 xã về đích 2022 (củng cố, duy trì chất lượng tiêu chí)	-	0	-	7.000	7.000	-	
6.1	Huyện Hớn Quản	-	-	-	1.000	1.000	-	
	Xã Minh Đức	-	-	-	1.000	1.000	-	
6.2	Huyện Lộc Ninh	-	-	-	2.000	2.000	-	
	Xã Lộc Thành	-	-	-	1.000	1.000	-	
	Xã Lộc Hòa	-	-	-	1.000	1.000	-	
6.3	Huyện Bù Đốp	-	-	-	1.000	1.000	-	
	Xã Phước Thiện	-	-	-	1.000	1.000	-	
6.4	Huyện Phú Riềng	-	-	-	1.000	1.000	-	
	Xã Long Hà	-	-	-	1.000	1.000	-	
6.5	Huyện Bù Đăng	-	-	-	2.000	2.000	-	
	Xã Thọ Sơn	-	-	-	1.000	1.000	-	
	Xã Đoàn Kết	-	-	-	1.000	1.000	-	
7	5 xã phấn đấu về đích 2024 (đầu tư từng bước, nâng số lượng tiêu chí)	-	-	-	7.060	7.060	-	
7.1	Huyện Hớn Quản	-	-	-	1.412	1.412	-	
	Xã Tân Hưng	-	-	-	1.412	1.412	-	
7.2	Huyện Bù Đăng	-	-	-	4.236	4.236	-	
	Xã Nghĩa Bình	-	-	-	1.412	1.412	-	
	Xã Đông Nai	-	-	-	1.412	1.412	-	
	Xã Đăng Hà	-	-	-	1.412	1.412	-	
7.3	Huyện Bù Gia Mập	-	-	-	1.412	1.412	-	
	Xã Phú Văn	-	-	-	1.412	1.412	-	
8	Các nhiệm vụ khác	4.000	4.000		-	-		

Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại: điểm c, khoản 1, mục V, chương trình kèm theo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ"

Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại: điểm c, khoản 1, mục V, chương trình kèm theo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ"

Phụ lục 1.2

**KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO
DÂN TỘC THIẾU SỐ NĂM 2023 (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
		Nhu cầu	Kinh phí	
Tổng cộng				
I	Tổng vốn giao đợt 1	4.063	16.035	Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh
1	Huyện Bù Gia Mập	1.598	6.209	
2	Huyện Bù Đốp	373	1.128	
3	Huyện Bù Đăng	1.272	5.148	
4	Huyện Đồng Phú	147	520	
5	Huyện Phú Riềng	102	412	
6	Huyện Hớn Quản	276	1.435	
7	Huyện Lộc Ninh	257	1.004	
8	Thị xã Bình Long	38	179	
II	Số vốn còn lại chưa phân bổ		965	Giao Ban Dân tộc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn sau khi tổng hợp nhu cầu các đơn vị.

Phụ lục 1.3
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CÁC ĐƠN VỊ	CHI TIẾT THEO DỰ ÁN THÀNH PHẦN										Ghi chú						
		Tổng cộng các dự án của chương trình		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình			
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:						
TỔNG CỘNG		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh					
1	Huyện Bù Đốp	16.560	15.055	1.505	2.480	248	11.110	1.111	1.465	146								
2	Huyện Bù Đăng	32.082	29.165	2.917	8.580	858	4.500	450	11.360	1.136	2.525	253	2.200	220				
3	Huyện Bù Gia Mập	63.329	57.572	5.757	10.620	1.062	25.000	2.500	17.790	1.779	2.262	226	1.900	190				
4	Huyện Đồng Phú	3.014	2.740	274	600	60			2.140	214								
5	Huyện Hớn Quản	2.838	2.580	258	2.580	258												
6	Huyện Phú Riêng	2.086	1.896	190	500	50			1.160	116			236	24				
	TỔNG CỘNG	221.962	201.962	20.000	30.000	3.000	95.000	9.220	60.000	6.000	7.900	790	8.336	918	726	72		
	Tổng vốn giao đợt 1	180.194	163.736	16.458	30.000	3.000	57.500	5.750	60.000	6.000	7.900	790	8.336	918				

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các dự án thành phần tại Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh

Phụ lục 1.4

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư
	Tổng số	1.666.000	4.200	4.900	
1	Nâng cấp cải tạo khu Trường Cao đẳng nghề (cũ) và Đầu tư Trang thiết bị- xây dựng mới một số hạng mục cơ sở trong KCN Becamex - Bình Phước thuộc Trường Cao đẳng Bình Phước	430.000	1.700	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường kết nối Hớn Quản ra QL14 (xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành)	150.000	600	550	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước)	604.000		2.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây đường giao thông từ trung tâm xã Thanh Hòa đi cầu Bình Thẳng kết nối với huyện Bù Gia Mập	66.000	260	250	UBND huyện Bù Đốp
5	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng - Giai đoạn 2	68.000	270	270	UBND huyện Bù Đốp
6	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh- Thanh Sơn xã Thanh An huyện Hớn Quản	80.000	300	300	UBND huyện Hớn Quản
7	Xây dựng đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình - Nghĩa Trung (kết nối với đường Sao Bông - Đàng Hà)	140.000	560	520	UBND huyện Bù Đàng
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ cầu Đăk O, xã Phú Văn đi xã đường 10, huyện Bù Đàng	50.000	200	200	UBND huyện Bù Gia Mập
9	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	43.000	170	170	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
10	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	35.000	140	140	Công an tỉnh

TÁT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		7.800	28.868		
1	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	1332/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	4.468	4.468	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng.	1692/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	226	226	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Đường từ ĐT 741 đi đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.	2554/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	639	639	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Trường mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	2023/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	518	518	UBND huyện Phú Riềng	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.	860/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	20	20	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Hồ chứa nước Sơn Lợi, huyện Bù Đăng	1861/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	197	197	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tân-Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn K8+000 đến Km10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	1860/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	328	328	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn KM16+000 đến Km21+369 đường Sao Bông - Đàng Hà, tỉnh Bình Phước: Hoàn thiện mặt đường Bê tông nhựa 2 lớp và công trình phụ trợ	1859/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	87	87	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Khu tưởng niệm thuộc khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy quân sự giải phóng Miền Nam Việt Nam	751/QĐ-UBND ngày 13/4/2020	29	29	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam	753/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	41	41	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Nổi đài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	38/QĐ-STC ngày 23/6/2022	889	889	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Đầu nổi hạ tầng KDC Phú Thịnh (Giai đoạn 1) P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	40/QĐ-STC ngày 27/6/2022	78	78	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	204/QĐ-STC ngày 28/12/2018	11	11	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Phương án và dự toán chi phí hỗ trợ thực hiện đào mới và cải tạo, nâng cấp giếng đào xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	72/QĐ-STC ngày 05/6/2018	7	7	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	77/QĐ-STC ngày 05/6/2019	18	18	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đa Bò, huyện Bù Đăng.	75/QĐ-STC ngày 25/8/2022	50	50	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu úm, xã Tân Khai.	76/QĐ-STC ngày 25/8/2022	39	39	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh - truyền hình và Báo Bình Phước.	119/QĐ-STC ngày 16/10/2019	46	46	Đài phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Trung tâm văn hóa thông tin tỉnh Bình Phước.	Báo cáo số 2004/BC-STC ngày 22/7/2021	109		BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã tắt toán không còn nhu cầu
20	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	2099/QĐ-UBND ngày 09/11/2022		67	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
21	Nâng cấp mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với Quốc lộ 13, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	364/QĐ-UBND ngày 07/3/2023		6.547	UBND huyện Lộc Ninh	Không vượt tổng mức đầu tư
22	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2018	659/QĐ-UBND ngày 15/3/2021		81	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
23	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Phước	382/QĐ-UBND ngày 13/3/2023		7.322	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
24	Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước	540/QĐ-UBND ngày 06/4/2023		306	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
25	Đầu tư trang thiết bị Ký túc xá và 06 phòng học Trường Chính trị tỉnh	918/QĐ-UBND ngày 02/6/2023		6.725	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
26	Xây dựng đường giao thông khu dân cư ấp 1, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	542/QĐ-UBND ngày 06/4/2023		129	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1234 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Tên dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh năm 2023	Chủ đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW
TỔNG SỐ								
A	Chương trình mục tiêu quốc gia		2.729.000	2.665.800	3.479.431	998.121	998.121	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		-	-	1.332.631	354.121	354.121	
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				529.110	149.080	149.080	
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				10.111	3.079	3.079	
B	Các chương trình mục tiêu		2.555.000	2.491.800	2.146.800	470.000	470.000	
I	Các dự án chuyển tiếp		2.555.000	2.491.800	2.146.800	470.000	470.000	
I	Giao thông		1.820.000	1.756.800	1.411.800	300.000	224.000	
1.1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ/UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	1.450.000	1.105.000	250.000	150.000	Ban QLDA DTXD tỉnh
1.2	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Dò xã Lộc Diên)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	135.000	50.000	50.000	UBND huyện Lộc Ninh

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh năm 2023	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1.3	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	171.800	24.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế		585.000	585.000	120.000	196.000		
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	70.000	110.000	UBND huyện Hớn Quản	
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	400.000	86.000	UBND huyện Đồng Phú	
3	Quốc phòng		150.000	150.000	50.000	50.000		
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	150.000	50.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
C	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		174.000	174.000	174.000	174.000		
I	Các dự án khởi công mới năm 2023					174.000		
1	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long	859/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	174.000	174.000	174.000	174.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

Phụ lục 2.1
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

Nguồn ngân sách Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023
	Dự án 4: Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	3.079	3.079
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.155	2.155
2	Các huyện, thị xã, thành phố	924	924
2.1	Thị xã Phước Long	48	48
2.2	Thành phố Đồng Xoài	68	68
2.3	Thị xã Bình Long	51	51
2.4	Huyện Bù Gia Mập	102	102
2.5	Huyện Lộc Ninh	94	94
2.6	Huyện Phú Riềng	82	82
2.7	Huyện Bù Đốp	75	75
2.8	Huyện Hớn Quản	115	115
2.9	Huyện Đồng Phú	71	71
2.10	Huyện Bù Đăng	150	150
2.11	Thị xã Chơn Thành	68	68

